

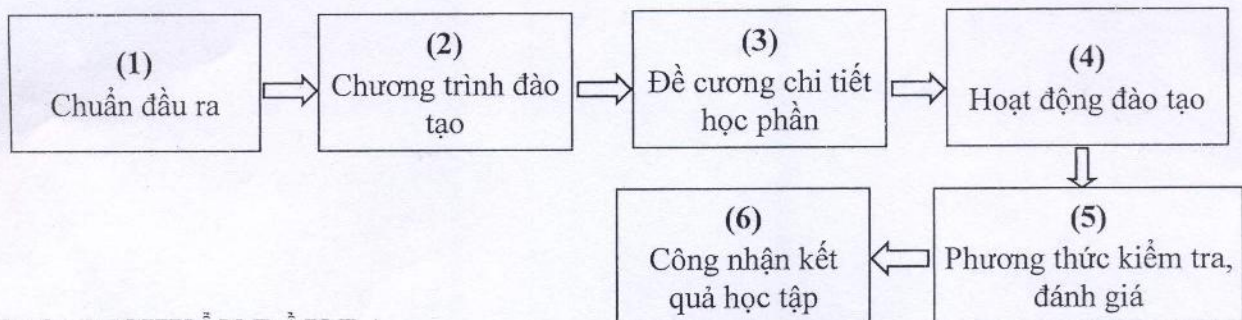
QUY TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Mã số: 73380107

I. Mục đích ban hành

1. Chuẩn hóa quy trình đào tạo, đảm bảo khoa học, chất lượng đào tạo.
2. Cơ sở đánh giá quy trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế theo quy trình.

II. Quy trình chi tiết



Bước 1: CHUẨN ĐẦU RA

Chuẩn đầu ra được rà soát điều chỉnh theo quyết định số 207/QĐ-ĐHL, ngày 29/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế (xem website: hul.edu.vn).

Yêu cầu chuẩn đầu ra

- Kiến thức.
- Kỹ năng bao gồm: Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.
- Thái độ.
- Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Bước 2: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế hệ chính quy ban hành theo quy định số 208/QĐ-ĐHL, ngày 29/5/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Chương trình đào tạo hệ chính quy văn bằng thứ hai ban hành theo quyết định số 354/QĐ-ĐHL, ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

<Xem website hul.edu.vn>

1.1 Khối lượng kiến thức trong chương trình đào tạo

- Khối lượng kiến thức CTĐT hệ chính quy: 120 tín chỉ.
- Khối lượng kiến thức CTĐT chính quy văn bằng thứ hai: 90 tín chỉ.

Trong khối kiến thức:

A. Kiến thức giáo dục đại cương: các học phần có tính chất nền tảng, cơ bản cho người học là cơ sở tiếp cận các kiến thức chuyên sâu.



B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

- Kiến thức cơ sở khối ngành: là những kiến thức chung, cơ bản về Nhà nước và Pháp luật hoặc một số lĩnh vực luật mang tính chất nền tảng.

- Kiến thức cơ sở ngành: là những kiến thức bắt buộc cho chương trình đào tạo cử nhân Luật Kinh tế, ngoài những kiến thức chung thì các kiến thức *chuyên sâu các lĩnh vực pháp luật: dân sự, thương mại, hợp đồng, đất đai, môi trường.*

- Kiến thức chuyên ngành: bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn, là những kiến thức có định hướng tiếp cận chuyên sâu các lĩnh vực pháp luật hợp đồng, tổ chức kinh doanh, đầu tư công, pháp luật tài chính, chứng khoán, ...

1.2 Kỹ năng

A. Kỹ năng mềm

B. Kỹ năng nghề nghiệp

1.3 Thái độ

Thái độ của người học khi học tập chương trình đào tạo. Đây là những chuẩn mực chung nhất đối với người học chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế.

Bước 3: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Bộ đề cương chi tiết học phần được ban hành theo quyết định số 442/QĐ-ĐHL ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế theo chương trình đào tạo được điều chỉnh, bổ sung.

Đề cương chi tiết học phần cụ thể hóa chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế. Mỗi đề cương chi tiết học phần phải đảm bảo 3 mục tiêu chung:

- Kiến thức: cung cấp những kiến thức nói chung, kiến thức pháp luật cho người học.

Kiến thức cho ngành Luật Kinh tế: Các học phần cơ sở ngành cơ bản giống ngành Luật (nhóm các học phần lý luận, hành chính, hiến pháp); nhóm các học phần gắn với ngành Luật Kinh tế (Luật dân sự, thương mại, sở hữu trí tuệ trong kinh doanh, cạnh tranh,...); nhóm các học phần kiến thức chuyên nghiệp.

- Kỹ năng: cho người học tiếp cận một số kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của học phần đó (thể hiện tính riêng biệt cho ngành Luật Kinh tế như hợp đồng, tổ chức kinh doanh, ...).

Các kỹ năng hướng tới tư vấn cho các chủ thể hơn là các chế tài: hình phạt, xử vi phạm như trong ngành Luật.

- Thái độ: thái độ của người học đối với các vấn đề xã hội khi có các kiến thức và kỹ năng về học phần đó (không phải thái độ học tập).

Ví dụ với Học phần Pháp luật cạnh tranh: người học có thái độ tôn trọng các quy định pháp luật cạnh tranh, lên án hành vi cạnh tranh không hợp pháp gây thiệt hại cho các chủ thể kinh doanh, ...

Bước 4: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Hoạt động đào tạo là khâu quan trọng để đảm bảo triển khai các kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học.

Đề cương bài giảng ngành Luật Kinh tế ban hành theo quyết định số 197/QĐ- ĐHL ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

1. Về kiến thức

- Lịch trình giảng dạy các học phần theo chương trình đào tạo đã được ban hành, bám sát đề cương chi tiết và đề cương bài giảng.

- Kiến thức lý thuyết: cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về học phần được thể hiện ở đề cương chi tiết.

- Kiến thức thực hành: Thông qua thảo luận, bài tập nhóm, tình huống, điều án, sử dụng bản án, nghiên cứu hồ sơ pháp lý.

2. Về kỹ năng

A. Kỹ năng chương trình đào tạo chính khóa:

- Các học phần có gắn với phương pháp tiếp cận kỹ năng: kỹ năng tư duy, phân biện (2TC); kỹ năng thực hành nghề nghiệp (2TC), kỹ năng chuyên sâu và các chuyên đề ngành Luật Kinh tế.

- Hoạt động thực tập 60 ngày (viết thu hoạt thực tập tốt nghiệp) *hướng cho người học thực tập tại các doanh nghiệp, Tòa kinh tế, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế.*

- Các kỹ năng trong từng học phần: 30% số giờ để thực hành các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

B. Kỹ năng chương trình đào tạo ngoại khóa:

- Các kỹ năng mềm: chương trình đào tạo kỹ năng mềm cho người học gắn với Nhà trường và một số cơ sở đào tạo kỹ năng mềm (*có cấp chứng chỉ*) gồm các kỹ năng: kỹ năng nhận diện bản thân, kỹ năng lập trình ngôn ngữ, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thuyết phục, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng viết hồ sơ và phỏng vấn xin việc.

+ Kỹ năng mềm do Trung tâm thực hành Luật và quan hệ doanh nghiệp tổ chức cho người học thông qua mời các chuyên gia trong lĩnh vực Luật Kinh tế như vấn đề hợp đồng, lao động, tiền lương, doanh nghiệp,...

+ Kỹ năng mềm thông qua các câu lạc bộ đội nhóm.

- Các kỹ năng nghề nghiệp:

+ Chương trình đào tạo khả năng nghề nghiệp của Trung tâm tư vấn pháp luật và đào tạo ngắn hạn (*có cấp chứng chỉ*).

+ Các phiên tòa lưu động do Tòa án thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế mở tại Trường theo hợp đồng.

+ Tham gia các hoạt động với các văn phòng Luật sự, Trung tâm tư vấn pháp luật (tự liên hệ và Trường có ký hợp đồng định kỳ).

+ Tham gia các phiên tòa giả định do câu lạc bộ luật gia tương lai tổ chức.

+ Tham gia các hoạt động ngoại khóa: Tư vấn pháp luật cho phạm nhân trại giam Đồng Sơn (tỉnh Quảng Bình), Bình điền (tỉnh Thừa Thiên Huế), giảng dạy kỹ năng tình huống pháp luật cho học sinh các trường phổ thông trung học (Nguyễn Huệ, Hai Bà Trưng, Quốc Học, ...).

3. Thái độ

Thái độ của người học thông qua các nội dung sau:

- Trong chương trình đào tạo: Người học có các kiến thức trong lĩnh vực chuyên sâu nên có thái độ tôn trọng pháp luật, trung thành với tổ quốc, lên án các hành vi xâm phạm các quyền pháp luật quy định, quyền trong lĩnh vực kinh tế (quyền tự do kinh doanh, tự do hợp đồng, ...).

- Thông qua các hoạt động kỹ năng (chính khóa và ngoại khóa) để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người học đối với bản thân, xã hội và cộng đồng.

- Thông qua các hoạt động do Trường tổ chức: Tuần sinh hoạt công dân, nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, phòng chống ma túy, bạo lực học đường, ngày pháp luật, ...

- Thông qua các hoạt động đoàn, hội, câu lạc bộ đội nhóm.

- Thông qua các hoạt động thiện nguyện của người học: quyên góp, hỗ trợ, ...

Các hoạt động trên hình thành thái độ tích cực cho người học, có ý thức và trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Bước 5. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Công khai phương pháp kiểm tra, đánh giá: phương pháp kiểm tra, đánh giá công khai trong đề cương chi tiết; thông báo hình thức thi trong các học kỳ.

2. Thực hiện kiểm tra, đánh giá:

Quyết định về kiểm tra, đánh giá theo số 295/QĐ-ĐHL, ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

Quyết định ban hành ngân hàng đề thi theo số 28/QĐ-ĐHL, ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật, Đại học Huế (cho ngành Luật Kinh tế).

- Đánh giá chuyên cần: 40% theo đào tạo tín chỉ và 30% theo đào tạo niên chế, bao gồm: 10% 10% 20% trong đó 10% chuyên cần có mặt, 10% phát biểu, thảo luận và 20% bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra.

Mục tiêu: tạo cho người học sự năng động, gợi mở tư duy trong các lĩnh vực pháp luật kinh tế vốn hết sức năng động, sáng tạo so lĩnh vực luật hình sự, hành chính, hiến pháp.

- Đánh giá thông qua thi kết thúc học kỳ: hình thức thi viết (loại đề được sử dụng văn bản pháp luật hoặc tài liệu tham khảo), đề thi được sử dụng ngân hàng câu hỏi (ghép ngẫu nhiên) theo 03 cấp độ: Hiểu (30%), thông hiểu (30%) và vận dụng thấp (40%).

Bước 6: CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC PHẦN

Thang điểm 10 (quy đổi tín chỉ thành điểm chữ A, B, C, D).

a) Loại đạt gồm:

| | |
|-----------------|----------------|
| A (8,5 - 10) : | Giỏi |
| B (7,0 – 8,4) : | Khá |
| C (5,5 – 6,9) : | Trung bình |
| D (4,0 – 5,4) : | Trung bình yếu |

b) Loại không đạt:

| | |
|----------------|-----|
| F (dưới 4,0) : | Kém |
|----------------|-----|

Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số như sau:

| | | |
|---|---------------|---|
| A | tương ứng với | 4 |
| B | tương ứng với | 3 |
| C | tương ứng với | 2 |
| D | tương ứng với | 1 |
| F | tương ứng với | 0 |

Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

III. Hiệu lực và phạm vi áp dụng

1. Hiệu lực

Quy trình này áp dụng từ năm học 2017-2018 trên cơ sở điều chỉnh chuẩn đầu ra, điều chỉnh chương trình đào tạo, điều chỉnh bộ đề cương chi tiết học phần và hoàn thiện, bổ sung ngân hàng đề thi ngành Luật Kinh tế theo các quyết định hiện hành.

2. Phạm vi áp dụng

Quy trình đào tạo ngành Luật Kinh tế áp dụng trong trường Đại học Luật, Đại học Huế cho giảng viên, người học và các đối tượng tham gia khác và có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- BGH (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT, ĐBCLGD;
- Website Nhà trường.



Đoàn Đức Lương